

Số: 01/2022/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm G, xã HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố YT, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm G, xã HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền quản lý sử dụng 518m² đất (đất đã được cấp GCNQD đất số BM 123011 do UBND huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) cấp ngày 10/6/2013 mang tên Nguyễn Thị Thanh T tại thửa 882, tờ bản đồ địa chính số 3, mục đích sử dụng đất sản xuất kinh doanh, theo các điểm 6,5,4,3,10,11,12,2,8,9,6.

2. Anh Nguyễn Hùng Đ và chị Đỗ Thị N được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 95,2m² theo các điểm 1,2,8,9,6,7,1.

3. Phần diện tích sau điểm 10, 11 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo ngày 02/6/2022 chị Nguyễn Thị Thanh T nhất trí giao lại cho anh Nguyễn Hùng Đ và chị Đỗ Thị N được toàn quyền quản lý sử dụng (diện tích cụ thể do anh Đ, chị N tự liên hệ với cơ quan đo đạc để xác định khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất).

(Các vị trí đất được thể hiện cụ thể trên bản trích đo hiện trạng kèm theo)

4. Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp lại, cấp mới GCNQSD đất theo quy định của pháp luật theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm anh Đ phải chịu 9.163.000đ (Chín triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng), được trừ vào số tiền 5.000.000đ là tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0000001 ngày 02/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Đ còn phải nộp tiếp số tiền 4.163.000đ (Bốn triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy